TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 13-4-2022.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang.

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh***: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 749/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Trần Duy M, sinh năm 1986. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị Trúc L1, sinh 1988. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Do quen biết nên chị L với Anh M, chị L1 có thỏa thuận:

+ Ngày 27/03/2021 Anh M vay của chị L số tiền: 90.000.000 đồng, anh M, chị L1 hứa đến ngày 31/3/2021 sẽ trả đủ cho chị L cả vốn và lãi nhưng đến ngày trả chị L1, anh M không thực hiện lời hứa.

+ Vào ngày 8/02/2021 AL (nhằm ngày 20/3/2021) anh M, chị L1 tiếp tục vay của chị L số tiền 75.000.000 đồng và có hứa góp đủ mỗi ngày 3.000.000 đồng trong 30 ngày nhưng từ khi vay đến nay anh Minh cũng chưa hề góp cho chị L ngày nào.

Nay chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu: Anh Trần Duy M và chị Huỳnh Thị Trúc L1 có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền nợ vay tổng cộng bằng 165.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày tôi gởi đơn cho đến nay với mức 1,66%/tháng

** Bị đơn Anh Trần Duy M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Trúc L1 trình bày*:

Lần vay thứ nhất ngày 20/3/2021 là đúng thời gian vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả, mục đích vay. Nhưng đối với số tiền vay này tôi đã góp đủ.

Lần vay thứ hai ngày 27/3/2021 là đúng thời gian vay, số tiền vay, lãi suất thời hạn trả, mục đích vay. Đối với số tiền vay này tôi thừa nhận chưa trả lần nào.

Anh M, chị L1 không đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng, lý do đã góp đủ. Đối với số tiền 90.000.000 đồng thì xin trả dần mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong và xin không đóng lãi.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Anh Trần Duy M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Trúc L1 vẫn giữ nguyên lời trình bày.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời kiểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thời hạn xét xử; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 243; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Vị kiểm sát viên đề xuất: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L: Buộc Anh Trần Duy M và Huỳnh Thị Trúc L1 có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền là 165.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 27/3/2021 đến khi thanh toán nợ xong. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán. Về thẩm quyền giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68 và Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Duy M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nội dung vụ án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bị đơn là Trần Duy M và vợ là Huỳnh Thị Trúc L1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị L 165.000.000 đồng vốn gốc (trong đó: vay lần 1 bằng 90.000.000 đồng; vay lần 2 bằng 75.000.000 đồng), chị L yêu cầu về lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày 27/3/2021 đến khi thanh toán xong. Chứng minh cho yêu cầu của mình chị L có cung cấp cho Tòa án một biên nhận tiền và một tờ giấy học sinh có chữ ký của anh Trần Duy M.

Bị đơn anh Trần Duy M và vợ chị Huỳnh Thị Trúc L1 trình bày anh, chị đã trả góp cho chị L vốn gốc và lãi số tiền 90.000.000 đồng, còn số tiền 75.000.000 đồng là anh, chị thừa nhận còn nợ nhưng chưa trả cho chị L.

Hội đồng xét xử nhận thấy sự kiện vay tiền 02 lần bằng 165.000.000 đồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L với anh Trần Duy M và chị Huỳnh Thị Trúc L1 là sự kiện có thật vì chị L, anh M và chị L1 đều trình bày đúng về số tiền và thời gian

vay nên không cần phải chứng minh. Riêng đối với số tiền vốn gốc 90.000.000 đồng và lãi suất mà anh M, chị L1 trình bày là đã trả cho chị L là không có căn cứ để chấp nhận vì hiện nay chị L còn lưu giữ bản chính tờ biên nhận nợ và Anh M, chị L1 không đưa được tài liệu, chứng cứ hoặc ai thấy, ai biết việc anh M, chị L1 đã trả vốn và lãi số tiền 90.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L là buộc anh Trần Duy M và chị Huỳnh Thị Trúc L1 phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền vốn gốc bằng 165.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,66% tháng từ khi ngày 27/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian yêu cầu lãi của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ vì theo biên nhận ngày 27/3/2021 thì ghi thời hạn trả là 31/3/2021, do đó thời gian tính lãi bắt đầu là ngày 31/3/2021; Về mức lãi suất 1,66%/tháng là khi giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng theo 02 biên nhận đều ghi lãi suất thỏa thuận, do đó, giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về lãi suất mà là trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất bằng 10%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử tính lại lãi suất như sau:

Từ ngày 31/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/4/2022 là 12 tháng 13 ngày

165.000.000 đồng x 12 tháng 13 ngày x 10%/năm = 17.095.800 đồng

[5] Từ những căn cứ trên. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng bằng 182.095.800 đồng (Trong đó vốn gốc bằng 165.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 13/4/2022 bằng 17.095.800 đồng).

[6] Lời trình bày của vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh Trần Duy M và chị Huỳnh Thị Trúc L1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Tuyên xử: Buộc anh Trần Duy M, chị Huỳnh Thị Trúc L1 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L tổng cộng bằng 182.095.800 đồng (Trong đó vốn gốc bằng 165.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 13/4/2022 bằng 17.095.800 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho chị L tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 4.194.000 đồng theo biên lai thu số 0007031 ngày 26/5/2021, nhận lại tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Anh Trần Duy M, chị Huỳnh Thị Trúc L1 phải chịu 9.104.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nguyên